

Bản án số: 03/2023/DS-ST

Ngày 17/01/2023

V/v: “trAh chấp Hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIAG, TỈNH BẮC GIAG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn SAg

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn QuAg Vinh, ông Nguyễn Văn ThAh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng GiAg.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng GiAg tham gia phiên tòa: Ông Vi Đức Thứ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng GiAg, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2022/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc trAh chấp Hợp đồng mua bán tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐST-DS ngày 23/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 09/01/2023 giữa:

*** Nguyên đơn:** Ah Hà Văn D, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Cầu Trong, xã Mỹ Thái, huyện Lạng GiAg, tỉnh Bắc GiAg

*** Bị đơn:**

1. Ah Hà Văn A, sinh năm 1985 (vắng mặt)

2. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Cầu Trong, xã Mỹ Thái, huyện Lạng GiAg, tỉnh Bắc GiAg

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA:** Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Chị B do Ah Hà Văn D đại diện theo ủy quyền (có mặt)

Địa chỉ: thôn Cầu Trong, xã Mỹ Thái, huyện Lạng GiAg, tỉnh Bắc GiAg

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là Ah Hà Văn D trình bày:

Vợ chồng Ah có mở cửa hàng kinh doAh buôn bán thức ăn chăn nuôi. Trong khoảng thời giA từ ngày 29/4/2018 đến ngày 09/3/2019 vợ chồng Ah Hà Văn A, chị Hoàng Thị T ở cùng thôn có mua thức ăn chăn nuôi của vợ chồng Ah chủ yếu để về nuôi cá. Khi mua hai bên có thỏa thuận bằng miệng về hình thức mua, phương thức thAh toán như sau: Vợ chồng Ah bán cám chịu cho Ah A, chị T đến khi nào Ah A,

chị T thu hoạch cá thì thAh toán trả toàn bộ số tiền đã mua cá. Việc mua bán cá thực hiện làm nhiều lần và đều được Ah ghi chép trong sổ theo dõi. Tổng cộng số tiền mua cá của Ah A, chị T là 66.600.000đ; chị T là người ký chốt nợ số tiền mua cá trong sổ theo dõi của Ah ghi tên của chồng là Hà Văn A (chứ không ghi tên chị T). Đến ngày 09/6/2019 chị T có thAh toán trả cho số tiền 5.000.000đ và còn nợ lại số tiền gốc là 61.600.000đ. Ah A, chị T có hứa mỗi tháng trả cho Ah số tiền là 5.000.000đ nhưng không thực hiện.

Ah đã đến nhà đòi tiền nhiều lần nhưng Ah A, chị T không thAh toán trả và Ah A có viết giấy nhận nợ số tiền gốc là 61.600.000đ, đồng ý trả lãi theo ngân hàng với số tiền lãi là 600.000đ/ tháng kể từ tháng 01/2020. Đến ngày 04/4/2020 Ah A có thAh toán trả 02 tháng tiền lãi là 1.200.000đ. Kể từ đó cho đến nay mặc dù Ah đã vào nhà đòi tiền nhiều lần nhưng Ah A, chị T không trả được số tiền nào.

Nay Ah khởi kiện yêu cầu vợ chồng Ah A, chị T phải có nghĩa vụ liên đới thAh toán trả cho Ah số tiền gốc còn nợ khi mua cá là 61.600.000đ và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận là 600.000đ/ tháng kể từ tháng 03/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm (tạm tính đến tháng 7/2022 là 16.200.000đ).

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn là Ah Hà Văn A trình bày: Vợ chồng Ah có ao cá và chăn nuôi vịt nên có mua thức ăn chăn nuôi của gia đình Ah D. Trong khoảng thời gian từ ngày 28/4/2018 đến ngày 09/3/2019 gia đình Ah có mua thức ăn chăn nuôi của gia đình Ah D và còn nợ lại tổng số tiền 61.600.000đ. Hình thức mua bán giữa hai bên là Ah D đầu tư thức ăn chăn nuôi và trở cá đến nhà Ah; vợ chồng Ah ký nhận từng mã cá, ngày nhận cá và số lượng cá mà Ah D trở đến. Đến ngày 09/3/2019 thì vợ chồng Ah không mua cá của nhà Ah D nữa. Tính đến nay vợ chồng Ah vẫn còn nợ số tiền gốc mua cá là 61.600.000đ. Ah D có đến nhà đòi tiền nhiều lần nhưng vì kinh tế khó khăn, dịch bệnh Covid – 19, làm ăn thua lỗ nên chưa có tiền trả cho Ah D.

Nay Ah D khởi kiện yêu cầu vợ chồng Ah thAh toán trả số tiền gốc 61.600.000đ và tiền lãi phát sinh là 600.000đ/ tháng kể từ tháng 3/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm thì Ah đồng ý trả số tiền gốc và xin được trả dần. Đối với tiền lãi thì đề nghị không phải thAh toán trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị B có ủy quyền cho Ah Hà Văn D tham gia tố tụng trong vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị T đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. Nhưng chị T không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải nhưng Ah A, chị T đều vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là Ah Hà Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng Ah A, chị T phải có nghĩa vụ liên đới thAh toán trả cho vợ

chồng Ah số tiền gốc là 61.600.000đ và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận là 600.000đ/tháng (tức 11,6%/năm) kể từ tháng 03/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng GiAg tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

Về nội dung vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ah Hà Văn D.

Buộc vợ chồng Ah Hà Văn A, chị Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả Ah toán trả cho vợ chồng Ah Hà Văn D, chị Hoàng Thị B số tiền nợ gốc là 61.600.000đ; tiền nợ lãi là 20.562.000đ. Tổng cộng là 82.162.000đ (Tám mươi hai triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

2. Về án phí: Ah Hà Văn A, chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa nguyên đơn là Ah D có mặt; bị đơn là Ah A, chị T vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị B vắng mặt nhưng đã có Ah D đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Ah A, chị T, chị B theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Tại Thông báo thụ lý vụ án, Tòa án có xác định tư cách tham gia tố tụng của chị Hoàng Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đơn khởi kiện của Ah Hà Văn D. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Ah Hà Văn A thừa nhận việc mua bán thức ăn chăn nuôi với mục đích là để làm ăn kinh tế chung của vợ chồng; chị T có ký nhận chốt công nợ vào ngày 09/3/2019 (ngày cuối cùng thực hiện mua bán thức ăn chăn nuôi). Vì vậy, HĐXX xác định chị Hoàng Thị T tham gia tố tụng với tư cách là Bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: QuA hệ mua bán thức ăn chăn nuôi giữa vợ chồng Ah Hà Văn D, chị Hoàng Thị B với vợ chồng Ah Hà Văn A, chị Hoàng Thị T có nơi cư trú tại thôn Cầu Trong, xã Mỹ Thái, huyện Lạng GiAg, tỉnh Bắc GiAg là quA hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh; nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Lạng GiAg, tỉnh Bắc GiAg giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, quA hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Kể từ ngày 29/4/2018 đến ngày 09/3/2019 giữa vợ chồng Ah D, chị B với vợ

chồng Ah A, chị T có thực hiện việc mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau. Việc mua bán, thanh toán tiền giữa hai bên tiến hành làm nhiều lần, đều được ghi vào sổ theo dõi và Ah A, chị T ký chốt nợ. Tính đến ngày 09/6/2019 vợ chồng Ah A, chị T còn nợ số tiền gốc là 61.600.000đ. Ah A có viết giấy nhận nợ số tiền 61.600.000đ và cam kết trả tiền lãi 600.000đ/ tháng kể từ tháng 01/2020.

Sau đó, mặc dù Ah D đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng Ah A, chị T không thanh toán trả. Ngày 05/10/2022 Ah D nộp đơn khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu vợ chồng Ah A, chị T phải thanh toán trả số tiền gốc và lãi suất phát sinh. Vì vậy, HĐXX xác định đây là "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Ah D có quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 184; Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Về số tiền nợ gốc: Căn cứ sổ theo dõi mua bán thức ăn chăn nuôi; giấy nhận nợ do nguyên đơn là Ah Hà Văn D nộp cho Tòa án và lời khai của Ah D, Ah A đều thừa nhận hai bên có nhiều lần thực hiện việc mua bán thức ăn chăn nuôi và thanh toán trả tiền cho nhau. Việc mua bán, thanh toán trả tiền đều được ghi chép và ký nhận trong sổ theo dõi của Ah D. Tính đến ngày 09/3/2019 vợ chồng Ah A, chị T còn nợ số tiền gốc là 66.605.000đ và chị T là người ký chốt nợ. Ngày 09/6/2019 vợ chồng Ah A, chị T trả số tiền 5.000.000đ và Ah A có ký chốt nợ tiền gốc là 61.600.000đ, đồng thời cam kết mỗi tháng trả 5.000.000đ cho vợ chồng Ah D, chị B.

Như vậy, giữa vợ chồng Ah D, chị B và vợ chồng Ah A, chị T đã thiết lập qua hệ hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 với số tiền gốc còn nợ là 61.600.000đ. Nay Ah D yêu cầu vợ chồng Ah A, chị T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng Ah D, chị B số tiền gốc còn nợ là 61.600.000đ thì Ah A đồng ý. Chị T đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên căn cứ vào sổ theo dõi mua bán thức ăn chăn nuôi; giấy nhận nợ do nguyên đơn là Ah Hà Văn D giao nộp và đã được Ah A là chồng chị T thừa nhận.

Vì vậy cần buộc vợ chồng Ah Hà Văn A, chị Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho vợ chồng Ah Hà Văn D, chị Hoàng Thị B số tiền nợ gốc là 61.600.000đ (Sáu mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Về lãi suất: Trong quá trình mua bán thức ăn chăn nuôi giữa vợ chồng Ah D, chị B và vợ chồng Ah A, chị T không thỏa thuận về lãi suất; không thỏa thuận về phương thức, thời hạn trả tiền. Tuy nhiên việc mua bán thức ăn chăn nuôi chấm dứt từ ngày 09/3/2019; sau đó Ah A đã thanh toán trả được số tiền 5.000.000đ vào ngày 09/6/2019, còn nợ lại số tiền gốc 61.600.000đ và có viết giấy nhận nợ đồng ý trả tiền lãi là 600.000đ/ 01 tháng tương ứng với mức lãi suất là 0,97%/ tháng (tức 11,6%/năm) kể từ tháng 01/2020; Ah A đã trả được 02 tháng tiền lãi với số tiền là 1.200.000đ vào ngày 04/4/2020. Như vậy, Ah D yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại giấy nhận nợ là phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa, Ah D yêu cầu buộc vợ chồng Ah A, chị T phải thanh toán trả tiền gốc 61.600.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 11,6%/ năm kể từ ngày 01/3/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 17/01/2023 (02 năm, 10 tháng, 16 ngày) là $(61.600.000đ \times 11,6\% \times 02 \text{ năm} = 14.291.000đ) + (61.600.000đ \times 11,6\%/12 \times 10 \text{ tháng} = 5.954.000đ) + (61.600.000đ \times 11,6\%/360 \times 16 \text{ ngày} = 317.000đ) = 20.562.000đ$ (Hai mươi triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Vì vậy yêu cầu trả tiền lãi, thời gian trả lãi và mức lãi suất của Ah D là phù hợp theo quy định tại Điều 357, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Ah Hà Văn A, chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26; Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 186; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 357, Điều 429, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ah Hà Văn D.

Buộc vợ chồng Ah Hà Văn A, chị Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho vợ chồng Ah Hà Văn D, chị Hoàng Thị B số tiền nợ gốc là 61.600.000đ; tiền nợ lãi là 20.562.000đ. Tổng cộng là 82.162.000đ (Tám mươi hai triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (17/01/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 11,6%/năm.

2. Về án phí: Vợ chồng Ah Hà Văn A, chị Hoàng Thị T phải chịu số tiền 4.108.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là Ah Hà Văn D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị B do Ah D đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Bắc GiAg;
- VKSND huyện Lạng GiAg;
- THADS huyện Lạng GiAg;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn SAg